

*

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ,
HỆ TẬP TRUNG A54B, KHÓA HỌC 2024 - 2025**

Thi phần C.III: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội
Thi ngày 20 tháng 9 năm 2024; Thời gian: 180 phút

Phòng học số: 6.....

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Phan Thị Vân Anh	20/9/1986	02	Lac	28	75	Đầy, 1 năm
02	Trần Hoàng Anh	04/6/1978	02	←	10	75	Đầy, 1 năm
03	H Loan Ayun	06/4/1993	02	Lac	1	80	Tam
04	Phan Thị Ngọc Bích	12/6/1990	02	phc	6	75	Đầy, 1 năm
05	Trịnh Thái Bình	17/7/1977	02	Bul	26	70	Đầy
06	Y Thuyết Buôn Yă	23/6/1996	02	Thuyết	27	725	Đầy, hai năm
07	H Ngắc Byă	16/8/1992	02	Ngắc	23	725	Đầy, hai năm
08	Y Juel Byă	03/4/1984	02	Juel	35	75	Đầy, 1 năm
09	Ngô Trung Cao	14/10/1983	02	Trung	37	75	Đầy, 1 năm
10	Nguyễn Văn Cường	10/10/1990	02	Cường	5	70	Đầy
11	Võ Mạnh Cường	19/11/1989	02	Mạnh	45	75	Đầy, 1 năm
12	Nguyễn Thị Thùy Dương	19/09/1988	03	Dương	14	85	Tam, 1 năm
13	Cao Thị Duyên	14/4/1983	02	truuo	43	75	Đầy, 1 năm
14	Lê Thị Bích Dịu Ênuôl	01/9/1984	02	Ênuôl	39	75	Đầy, 1 năm
15	Phạm Thị Thu Hằng	30/7/1992	02	Thu	20	775	Đầy, bảy năm
16	Trần Anh Hào	18/10/1993	02	Trần Anh	49	725	Đầy, hai năm
17	Hồ Thị Ngọc Hiền	01/4/1992	03	Hiền	19	80	Tam
18	Phạm Thị Thuý Hoa	12/10/1981	02	Thuý	22	75	Đầy, 1 năm
19	Nguyễn Văn Hội	01/12/1994	02	Hội	25	75	Đầy, 1 năm
20	Hồ Thanh Hùng	18/10/1988	02	Hùng	47	775	Đầy, bảy năm

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Số tờ	Ký ² nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Hoàng Bảo	Hung	20/5/1986	02	<i>Hoàng</i>	12	7.25	<i>Đầy, hai năm</i>
22	Nguyễn Văn	Hung	19/8/1983	02	<i>Nguyễn</i>	3	7.5	<i>Đầy, năm</i>
23	Võ Thành	Hung	10/9/1992	02	<i>Võ</i>	4	7.5	<i>Đầy, năm</i>
24	Nguyễn Thị	Hường	24/06/1992	03	<i>Nguyễn</i>	18	8.0	<i>Đầy, năm</i>
25	H Ly	Kpã	22/3/1991	02	<i>H Ly</i>	2	7.5	<i>Đầy, năm</i>
26	H Viết	Kpor	02/8/1988	02	<i>H Viết</i>	31	7.25	<i>Đầy, hai năm</i>
27	Phạm Thị Thuý	Liều	14/5/1989	02	<i>Phạm</i>	29	7.25	<i>Đầy, hai năm</i>
28	Tô Bình	Minh	16/11/1988	02	<i>Tô</i>	33	7.5	<i>Đầy, năm</i>
29	Y Xuyên	Mnông	01/8/1992	02	<i>Y Xuyên</i>	32	7.5	<i>Đầy, năm</i>
30	Nguyễn Hồng	Nam	12/12/1989	02	<i>Nguyễn</i>	50	7.0	<i>Đầy, năm</i>
31	Nguyễn Ngọc	Nam	17/7/1986	02	<i>Nguyễn</i>	9	7.25	<i>Đầy, hai năm</i>
32	Lê Minh	Ngọc	14/12/1985	02	<i>Lê</i>	34	7.5	<i>Đầy, năm</i>
33	Lê Thị Thu	Ngọc	14/11/1991	03	<i>Lê</i>	15	8.5	<i>Đầy, năm</i>
34	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	04/07/1994	02	<i>Nguyễn</i>	51	7.5	<i>Đầy, năm</i>
35	Hà Nữ Thanh	Nhạn	08/02/1988	02	<i>Hà</i>	44	7.25	<i>Đầy, hai năm</i>
36	Y Khoa	Niê	26/3/1986	02	<i>Y Khoa</i>	13	7.5	<i>Đầy, năm</i>
37	Bùi Xuân	Phú	01/01/1991	02	<i>Bùi</i>	7	7.5	<i>Đầy, năm</i>
38	Phạm Thị Hoài	Phương	11/4/1992	02	<i>Phạm</i>	48	7.5	<i>Đầy, năm</i>
39	Trương Thị	Thanh	04/10/1989	03	<i>Trương</i>	16	8.25	<i>Đầy, hai năm</i>
40	Vũ Tiến	Thành	12/6/1989	02	<i>Vũ</i>	8	7.5	<i>Đầy, năm</i>
41	Nguyễn Thị	Thảo	07/4/1990	02	<i>Nguyễn</i>	42	7.75	<i>Đầy, hai năm</i>
42	Nguyễn Văn	Thế	25/11/1987	02	<i>Nguyễn</i>	46	7.5	<i>Đầy, năm</i>
43	Trần	Thông	01/01/1988	02	<i>Trần</i>	21	7.5	<i>Đầy, năm</i>
44	Lê Thành	Toại	20/5/1990	02	<i>Lê</i>	24	7.5	<i>Đầy, năm</i>
45	Văn Đức	Trãi	02/12/1992	02	<i>Văn</i>	36	7.5	<i>Đầy, năm</i>
46	Trần Ngọc	Trí	27/10/1982	02	<i>Trần</i>	40	7.25	<i>Đầy, hai năm</i>

Sst	Họ và tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký 3 nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
47	Cao Thế Truyền	19/02/1990	02		38	75	Đã 1 năm
48	Y Duy Uông	04/11/1997	02		41	75	Đã 1 năm
49	Phan Thị Phước Vân	20/01/1987	02		30	75	Đã 1 năm
50	Nguyễn Anh Vũ	06/9/1984	03		18	80	Tam

Tổng số học viên theo danh sách: 50.....học viên;
Số học viên không đủ điều kiện thi: 0.....học viên;
Số học viên đủ điều kiện thi: 50.....học viên;
Số học viên vắng thi: 0.....học viên; Trong đó: có lý do: 1... học viên; không có lý do: 1...học viên;
Số bài thi hiện có: 50.....bài/.....106.....tờ.

GIÁM THỊ 1

Lê Chí Đức

GIÁM THỊ 2

Nguyễn Thị Bích Hà

Ngày 24...tháng 9.....năm 2024
NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Phạm Văn Dũng

Ngày 24...tháng 9.....năm 2024
NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG KHOA

Lê Hữu Nam

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT&NCKH

TS. Lê Duyên Hà



Nguyễn Thành Dũng